

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2019/DS-PT
Ngày 14 - 11 - 2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khưu Đức Dành

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu

Bà Ngô Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2019/TLPT-DS ngày 17/10/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2019/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969, cư trú: số nhà 734, tổ 17, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1946, cư trú: tổ 6, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Anh Lê Hồng B, sinh 1984, cư trú: tổ 6, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A (theo giấy ủy quyền ngày 13 tháng 11 năm 2019) (có mặt).

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09-5-2019, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2017, ông có bán vật tư nông nghiệp cho ông Lê Văn T nhiều lần, với hình thức khi đến mùa thu hoạch thì trả tiền, không tính lãi, mua bán có ghi sổ, nhưng không ký tên. Ông T nợ ông số tiền 60.619.000

đồng, ngày 02 tháng 7 năm 2018 ông T trả được 5.000.000 đồng (có làm biên nhận), ngày 11 tháng 8 năm 2018 ông T trả thêm 10.000.000 đồng (có làm biên nhận); còn nợ lại số tiền 45.619.000 đồng ông đến nhà ông T đòi nhiều lần nhưng ông T không trả.

Nay ông yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ lại là 45.619.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 11 tháng 8 năm 2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã thông báo, tổng đạt văn bản tố tụng nhưng ông T từ chối nhận và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông S. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thực hiện thủ tục niêm yết và xét xử vắng mặt ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, quyết định:

Căn cứ các Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S. Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ vốn 45.619.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng), tiền lãi 4.473.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 50.092.000 đồng (Năm mươi triệu không trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, bị đơn ông Lê Văn T làm đơn kháng cáo, nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án số 43/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm. Lý do, nguyên đơn xác định sai chủ thể, thực tế ông không thiếu nợ và cũng không mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn. Kèm theo đơn kháng cáo là đơn xin miễn án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Hồng B đại diện theo ủy quyền cho ông T đồng ý trả số nợ 45.619.000 đồng cho ông S. Ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T trả tiền lãi 4.473.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản

án sơ thẩm. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông S yêu cầu ôngT trả tiền lãi 4.473.000 đồng. Miễn án dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ôngT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Lê Văn T đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ôngT là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ngày 05 tháng 9 năm 2019, bị đơn ông Lê Văn T nhận được bản án sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 và làm đơn kháng cáo nộp ngày 09 tháng 9 năm 2019 trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Cấp sơ thẩm căn cứ biên nhận nợ (Bút lục 05) ôngT ký tên và biên bản hòa giải ngày 20 tháng 4 năm 2019 của ấp Kiến Bình 2, chấp nhận yêu cầu của ông S. Buộc ôngT có nghĩa vụ trả số tiền nợ 45.619.000 đồng và tiền lãi 4.473.000 đồng là có căn cứ đúng quy định tại Điều 430, Điều 440, Điều 353 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Hồng B đại diện theo ủy quyền cho ôngT đồng ý trả số nợ 45.619.000 đồng cho ông S. Ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ôngT trả tiền lãi 4.473.000 đồng. Do đó, có căn cứ áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu của ông S.

[4] Xét thấy, ông Lê Văn T, sinh 1946 thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng do trong giai đoạn xét xử sơ thẩm ôngT không có đơn xin miễn nên cấp sơ thẩm buộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.504.600 đồng là đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Tuy nhiên, kèm theo đơn kháng cáo ôngT có đơn xin miễn án phí. Do đó, cấp phúc thẩm căn cứ quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận miễn án dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ôngT.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông S yêu cầu ôngT trả tiền lãi 4.473.000 đồng. Miễn án dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ôngT.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên về quyền, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự chưa đúng. Do đó, cần sửa cho phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S. Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền mua bán vật tư nông nghiệp 45.619.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S yêu cầu ông Lê Văn T trả tiền lãi 4.473.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.140.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013013 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Lê Văn T .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- TAND huyện;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khuu Để Dành